

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ 01.01.2016
KẾT THÚC NGÀY 30.09.2016



MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	2 - 3
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	6 - 36

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,700,037,533,500	1,982,289,230,465
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	227,082,769,780	252,609,491,417
1. Tiền mặt	111		192,582,769,780	127,289,823,338
3. Các khoản tương đương tiền	112		34,500,000,000	125,319,668,079
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	11,572,777,778	15,320,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2,000,000,000	2,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh d	122		(680,000,000)	(680,000,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	10,252,777,778	14,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		564,173,451,597	768,496,355,065
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	453,418,076,707	655,488,805,573
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		70,995,204,528	56,850,214,040
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	41,320,576,545	57,705,874,713
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1,548,539,261)	(1,548,539,261)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		(11,866,921)	
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	770,560,501,685	840,806,115,546
1. Hàng tồn kho	141		776,939,858,762	847,164,695,938
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6,379,357,077)	(6,358,580,392)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		126,648,032,660	105,057,268,437
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	40,286,841,987	15,712,073,925
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		68,401,976,368	71,424,380,359
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	17,311,150,009	17,920,814,153
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		648,064,296	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,043,669,035,345	753,595,975,055
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		64,230,529,999	32,854,758,817
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	64,230,529,999	32,854,758,817
II. Tài sản cố định	220		758,079,244,650	528,959,643,979
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	720,357,106,978	498,384,823,011
- Nguyên giá	222		1,382,018,853,714	1,087,392,270,731
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(661,661,746,736)	(589,007,447,720)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	37,722,137,672	30,574,820,968
- Nguyên giá	228		51,287,892,053	41,326,258,581
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13,565,754,381)	(10,751,437,613)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		348,686,382	279,131,296
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang a	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		348,686,382	279,131,296
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		143,336,338,709	114,118,264,755
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.11	108,790,485,324	79,272,411,370
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	34,545,853,385	34,845,853,385
VI. Tài sản dài hạn khác	260		77,674,235,605	77,384,176,208
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	77,600,160,770	77,310,101,373
2. Tài sản thuế TN hoãn lại	262		74,074,835	74,074,835
TỔNG TÀI SẢN	270		2,743,706,568,845	2,735,885,205,520

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,338,032,384,995	2,300,808,915,433
I. Nợ ngắn hạn	310		2,019,105,184,989	2,163,912,268,403
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	361,424,495,069	295,153,289,744
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77,398,404,068	43,869,006,152
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	17,393,656,244	25,136,691,574
4. Phải trả người lao động	314		225,547,201,765	257,360,268,343
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	43,697,957,290	38,344,750,198
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		72,000,000	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	2,857,187,244	2,215,839,794
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	47,207,550,417	46,762,455,659
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	1,186,074,643,540	1,400,310,126,343
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		29,603,050,019	29,144,918,195
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		27,829,039,333	25,614,922,401
II. Nợ dài hạn	330		318,927,200,006	136,896,647,030
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	1,227,094,905	1,496,498,790
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.15	21,201,162,735	15,259,492,405
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	45,502,105,832	35,629,182,174
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.17	250,996,836,534	84,511,473,661
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		405,674,183,850	435,076,290,088
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	405,674,183,850	435,076,290,088
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182,000,000,000	182,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		47,369,868,955	46,905,955,386
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86,478,425,938	100,131,461,522
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		89,825,888,957	106,038,873,180
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2,743,706,568,845	2,735,885,205,520

Người lập



Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

Mẫu B 02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	3,122,318,803,200	3,176,092,339,137
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	11,234,023,479	11,336,331,943
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.19	3,111,084,779,721	3,164,756,007,194
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	2,525,583,943,894	2,580,119,893,942
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		585,500,835,827	584,636,113,252
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	24,520,257,395	32,269,182,754
7. Chi phí tài chính	22	5.22	42,511,211,642	70,758,706,433
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27,164,494,097	28,726,028,889
8. Chi phí bán hàng	24	5.23	212,430,512,586	196,790,135,951
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.24	330,080,767,759	264,052,645,614
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24,998,601,235	85,303,808,008
11. Thu nhập khác	31	5.25	15,158,245,509	5,912,571,809
12. Chi phí khác	32	5.25	6,340,145,387	5,802,397,108
13. Lợi nhuận khác	40		8,818,100,122	110,174,701
14. Lợi nhuận/lỗ liên doanh, liên kết	45		6,083,607,354	5,195,026,704
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39,900,308,711	90,609,009,412
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		10,058,366,528	20,357,079,921
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29,841,942,183	70,251,929,491
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		33,383,953,113	55,148,150,056
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3,542,010,929)	15,103,779,435
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	1,350	2,556

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Quế Thanh

Mai Văn Hoàng Dũng

Phạm Phú Cường



TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

Mẫu B 03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế	1	39,900,308,711	90,609,009,414
2 Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	82,667,042,187	73,189,076,536
- Các khoản dự phòng	3	478,908,509	308,407,095
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá	4	-	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(19,741,280,278)	(12,197,411,000)
- Chi phí lãi vay	6	36,213,513,296	28,726,028,889
- Các khoản điều chỉnh khác	7	-	-
3 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	139,518,492,425	180,635,110,934
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9	187,708,724,418	(247,731,556,858)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	70,224,837,176	283,956,721
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(457,306,026,458)	96,804,217,025
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(24,864,827,459)	(35,365,090,939)
- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(36,213,513,296)	(28,726,028,889)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23,578,910,429)	(19,932,976,842)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7,239,993,164)	(9,812,729,966)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(151,751,216,786)	(63,845,098,814)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(104,939,294,874)	(110,785,379,487)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	261,739,855
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3,747,222,222	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(29,518,073,954)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	24,441,252,161
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19,741,280,278	12,197,411,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(110,968,866,328)	(73,884,976,471)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	2,638,080,894,392	2,335,148,463,977
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,363,780,434,805)	(1,975,540,024,717)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(37,107,098,110)	(35,107,098,110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	237,193,361,477	324,501,341,150
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(25,526,721,637)	186,771,265,865
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	252,609,491,417	121,505,491,954
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	227,082,769,780	308,276,757,819

Người lập



Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09a-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 09 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.416.571	14.165.710.000	7,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.694.307	116.943.070.000	64,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm nhuộm;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Lai
Địa chỉ	: Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, Yên Đỗ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Đà Lạt
Địa chỉ	: Số 9, Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 55%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 55%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Định
Địa chỉ	: Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,84%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,84%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May An Nhơn
Địa chỉ	: Số 71 Nguyễn Đình Chiểu, P.Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 64,65%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Tam Quan
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 70%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 70%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)***Danh sách các Công ty con được hợp nhất (Tiếp)***

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 204 Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,00 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,00 %
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Hậu Giang - Nhà Bè
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 72,00 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 72,00 %
Ngày mua	: 25/01/2016
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Phúc
Địa chỉ	: 48 Đường Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,00 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,00 %
Ngày mua	: 26/02/2016

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 28,58%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 28,58%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 33,19%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 33,19%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May 9 - Nam Định
Địa chỉ	: Số 215, Hàng Thao, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 34,33 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 34,33 %
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè
Địa chỉ	: 139 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Bất Động sản Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 29,99%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 29,99%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Sông Tiền
Địa chỉ	: Ấp Bình Tạo, Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 43,89%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 43,89%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC
Địa chỉ	: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã La Gi, Bình Thuận.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 37,6 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 37,6 %
Tên Công ty	: Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa
Địa chỉ	: Lô A8, Cụm Công nghiệp La Hà, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 25%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 25%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Thương mại Bán lẻ Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%

Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Tổng Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/07/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Tổng Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. NĂM TÀI CHÍNH/KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính/Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/06/2016.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/06/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Từ 01/01/2016
đến 30/06/2016**

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

**Từ 01/01/2016
đến 30/06/2016**

	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Công cụ tài chính****Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2016	01/01/2016 VNĐ
Tiền mặt	42,263,093,342	9,570,529,390
Tiền gửi ngân hàng	150,319,676,438	117,719,293,948
Các khoản tương đương tiền	34,500,000,000	125,319,668,079
Tổng	227,082,769,780	252,609,491,417

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2 Chứng khoán kinh doanh*Đơn vị tính: VND*

	30/09/2016 (VNĐ)			01/01/2016 (VNĐ)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	2,000,000,000	1,320,000,000	(680,000,000)	2,000,000,000	1,320,000,000	(680,000,000)
Tổng giá trị cổ phiếu:						
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	2,000,000,000	1,320,000,000	(680,000,000)	2,000,000,000	1,320,000,000	(680,000,000)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	30/09/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10,252,777,778	10,252,777,778	14,000,000,000	14,000,000,000
Ngắn hạn	10,252,777,778	10,252,777,778	14,000,000,000	14,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn	10,252,777,778	10,252,777,778	14,000,000,000	14,000,000,000
Tổng	10,252,777,778	10,252,777,778	14,000,000,000	14,000,000,000

5.4 Phải thu của khách hàng

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	453,418,076,707	655,488,805,573
DESIPRO PTE.LTD		76,166,704,258
MOTIVES	51,869,926,097	162,625,477,173
ASDA		5,755,359,457
WE EUROPE		6,061,029,217
PRIMARK	13,076,629,953	
MATALAN	9,647,968,905	
MILES	9,494,811,118	
CANDA	9,076,511,451	
JP GLOBAL		8,789,905,008
Công Ty CP May Gia Lai		44,725,228,136
H&M		14,154,092,560
JC PENNY	25,263,526,414	12,589,820,830
ARCADIA	18,036,913,852	8,457,458,337
BMB CLOTHING GROUP	35,634,480,682	18,898,535,568
Công ty CP SX-TM-DV Hưng Phát	1,043,823,000	
Cty TNHH May CN-TM Trường Vinh	3,069,371,469	
Cty TNHH Tân Phạm Gia	2,023,539,000	
POLARIS	1,308,732,247	
CARMEL	12,797,482,238	
JUSTIN AILEN	9,228,050,446	
AURORA	4,890,743,488	
Công ty CP May Tây Sơn	2,571,157,268	
Cty TNHH MTV Tunggex Fashion VN	2,282,253,933	
Công ty CP may Hoài Ân	2,125,166,610	
WORTHY GLOBAL LIMITED	13,942,979,213	
Cty TNHH May XK Long Xuyên	83,639,907	
APPAREL SOURCING COMPANY	1,007,151,533	
VN FASHION INDUSTRIES COMPANY LIMITED	201,826,535	
CTY TNHH MTV SXTMDV Úc Việt	112,049,924	
Phải thu các đối tượng khác	224,629,341,425	297,265,195,029
Tổng	453,418,076,707	655,488,805,573

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.5 Phải thu khác

	30/09/2016 (VNĐ)		01/01/2016 (VNĐ)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	41,320,576,545	(1,548,539,261)	57,705,874,713	(1,548,539,261)
- Phải thu bảo hiểm xã hội	1,420,349,866		2,850,889,069	
- Phải thu bán nguyên phụ liệu	625,198,657	(143,871,363)	11,191,241,000	(143,871,363)
- Thuế GTGT được hoàn			2,509,747,911	
- Phải thu tạm ứng	6,318,251,220		8,477,929,606	
- Phải thu các công ty con, liên kết	1,381,178,961		5,727,052,924	
- Thuế GTGT chưa kê khai			905,077,220	
- Phải thu khác	12,683,264,974	(1,404,667,898)	8,620,761,233	(1,404,667,898)
- Công ty CP may An nhơn	1,018,305,867			
- Ứng tiền đầu tư dự án Hậu giang	602,286,000		17,423,175,750	
- Ứng tiền đầu tư dự án Đức linh	17,271,741,000			
Dài hạn	64,230,529,999		32,854,758,817	
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2,645,565,804		2,426,132,667	
- Công ty CP May Phú Cát	10,144,440,000		10,144,440,000	
- Phải thu các công ty con, liên kết	16,050,953,946			
- Mua dự án đất Long Thới	34,301,286,150		20,284,186,150	
- Phải thu khác	1,088,284,099			
Tổng	105,551,106,544	(1,548,539,261)	90,560,633,530	(1,548,539,261)

5.6 Hàng tồn kho

	30/09/2016 (VNĐ)		01/01/2016 (VNĐ)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	303,213,661,390	(2,740,672,246)	341,554,373,241	(3,388,164,381)
Công cụ, dụng cụ	2,803,356,207		2,196,499,308	
Chi phí SX KDDD	221,861,259,973	(721,000,000)	246,960,274,461	(721,000,000)
Thành phẩm	170,281,733,936	(2,884,171,510)	184,429,530,120	(1,097,806,773)
Hàng hóa	11,714,352,382	(33,513,321)	10,339,722,282	(140,659,170)
Hàng gửi bán	67,065,494,874		61,684,296,526	(1,010,950,068)
Tổng	776,939,858,762	(6,379,357,077)	847,164,695,938	(6,358,580,392)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.7 Chi phí trả trước

	30/09/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Ngắn hạn	40,286,841,987	15,712,073,925
Chi phí bảo hiểm	1,049,172,444	2,020,552,115
Chi phí CCDC	26,965,686,618	6,896,296,374
Máy móc, thiết bị	53,154,458	16,542,262
Phân bổ phụ tùng	1,091,653,895	376,469,858
Chi phí quảng cáo	1,106,936,102	948,490,354
Chi phí sửa chữa	867,846,167	864,179,168
Chi phí thuê mặt bằng	3,535,183,713	3,441,380,030
Tiền thuê đất	120,714,342	74,426,761
Khác	5,496,494,248	1,073,737,003
Dài hạn	77,600,160,770	77,310,101,373
Chi phí thuê đất	36,377,776,664	29,557,532,925
Chi phí CCDC	16,670,783,679	22,964,457,267
Chi phí quảng cáo	99,814,409	201,676,665
Chi phí sửa chữa	9,098,905,248	7,787,691,207
Chi phí phụ tùng	2,597,376,176	1,645,269,611
Tài sản giảm theo TT 45	828,778,149	945,745,626
Máy móc thiết bị	7,760,934,726	4,917,110,131
Chi phí đào tạo	1,217,658,969	4,000,000,000
Khác	2,948,132,750	5,290,617,941
Tổng	117,887,002,757	93,022,175,298

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2016	479,883,701,811	549,257,418,537	42,004,043,310	13,459,213,916	2,787,893,157	1,087,392,270,731
Tăng trong kỳ	120,485,664,712	179,171,688,497	6,379,913,091	1,156,532,849	333,440,552	307,527,239,701
Mua trong kỳ	80,659,592,980	89,434,530,772	5,376,885,818	1,156,532,849	333,440,552	176,960,982,971
Xây dựng cơ bản hoàn thành	26,979,916,252	144,241,074	-	-	-	27,124,157,326
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần May Hậu Giang	1,533,304,407	60,816,697,803	1,003,027,273	-	-	63,353,029,483
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần May Gia Phúc	11,312,851,073	28,776,218,848	-	-	-	40,089,069,921
Thanh lý nhượng bán	1,753,191,577	9,199,594,392	1,436,823,130	229,047,619	-	12,618,656,718
Giảm khác	-	282,000,000	-	-	-	282,000,000
Số dư tại 30/09/2016	598,616,174,946	718,947,512,642	46,947,133,271	14,386,699,146	3,121,333,709	1,382,018,853,714
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2016	180,965,064,065	369,462,356,793	26,296,812,207	10,492,298,805	1,790,915,850	589,007,447,720
Tăng trong kỳ	24,640,027,228	53,455,712,423	3,595,734,281	1,452,435,764	308,691,988	83,452,601,684
Khấu hao trong kỳ	24,287,006,340	51,225,931,499	3,572,134,070	1,452,435,764	308,691,988	80,846,199,661
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần May Gia Phúc	353,020,888	2,207,780,924	-	-	-	2,560,801,812
Tăng khác	-	22,000,000	23,600,211	-	-	45,600,211
Giảm trong kỳ	155,270,245	8,995,061,466	1,436,823,130	211,147,827	-	10,798,302,668
Thanh lý nhượng bán	155,270,245	8,760,122,277	1,436,823,130	187,547,616	-	10,539,763,268
Giảm khác	-	234,939,189	-	23,600,211	-	258,539,400
Số dư tại 30/09/2016	205,449,821,048	413,923,007,750	28,455,723,358	11,733,586,742	2,099,607,838	661,661,746,736
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2016	298,918,637,746	179,795,061,744	15,707,231,103	2,966,915,111	2,966,915,111	498,384,823,011
Tại ngày 30/09/2016	393,166,353,898	305,024,504,892	18,491,409,913	2,653,112,404	1,021,725,871	720,357,106,978

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, H.hóa bản quyền	Quyền phát hành Giấy phép GPNO	CT, pha chế thiết kế, kiểu mẫu	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2016	2,290,846,452	22,861,145,170	12,323,741,389	2,333,573,820	1,516,951,750	41,326,258,581
Tăng trong kỳ	7,701,586,272	1,382,791,200	-	-	877,256,000	9,961,633,472
Mua trong kỳ	-	1,382,791,200	-	-	100,000,000	1,482,791,200
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần May Hậu Giang	7,701,586,272				556,006,000	8,257,592,272
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần May Gia Phúc					221,250,000	221,250,000
Số dư tại 30/09/2016	9,992,432,724	24,243,936,370	12,323,741,389	2,333,573,820	2,394,207,750	51,287,892,053
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2016	277,793,132	5,678,213,917	2,351,068,702	1,523,343,577	921,018,285	10,751,437,613
Tăng trong kỳ	272,226,977	1,753,339,288	393,220,863	175,018,041	220,511,599	2,814,316,768
Khấu hao trong kỳ	176,467,068	1,753,339,288	393,220,863	175,018,041	200,053,266	2,698,098,526
Tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần May Gia Phúc			-	-	20,458,333	20,458,333
Tăng do hợp nhất Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	95,759,909		-	-	-	95,759,909
Số dư tại 30/09/2016	550,020,109	7,431,553,205	2,744,289,565	1,698,361,618	1,141,529,884	13,565,754,381
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2016	2,013,053,320	17,182,931,253	9,972,672,687	810,230,243	595,933,465	30,574,820,968
Tại ngày 30/09/2016	9,442,412,615	16,812,383,165	9,579,451,824	635,212,202	1,252,677,866	37,722,137,672

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	30/09/2016 (VNĐ)			01/01/2016 (VNĐ)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư trái phiếu	8,128,990,000	8,128,990,000		8,128,990,000	8,128,990,000	
Công ty CP May An Nhơn	790,240,000	790,240,000		790,240,000	790,240,000	
Công ty CP May Nam Định	1,338,750,000	1,338,750,000		1,338,750,000	1,338,750,000	
Công ty CP SXTM DV Hưng Phát	6,000,000,000	6,000,000,000		6,000,000,000	6,000,000,000	
Đầu tư khác (cổ phiếu)	26,416,863,385	26,716,863,385		26,716,863,385	26,716,863,385	
Công ty CP May Việt Thắng	3,747,100,000	3,747,100,000		3,747,100,000	3,747,100,000	
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình	5,802,843,385	5,802,843,385		5,802,843,385	5,802,843,385	
Công ty CP NPL Dệt May Bình An	7,161,920,000	7,161,920,000		7,161,920,000	7,161,920,000	
Công ty CP Dệt May Liên Phương	3,480,000,000	3,480,000,000		3,480,000,000	3,480,000,000	
Công ty CP đầu Tư An Phát	4,225,000,000	4,225,000,000		4,225,000,000	4,225,000,000	
Công ty CP Du lịch Lagi	2,000,000,000	2,300,000,000		2,300,000,000	2,300,000,000	
Tổng	34,545,853,385	34,845,853,385		34,845,853,385	34,845,853,385	

5.11 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		30/09/2016		Lãi/Lỗ lũy kế đầu tư LD-LK
	Vốn nắm giữ %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc	Giá hợp lý	
Công ty CP May Sông Tiền	43.89%	43.89%	15,360,000,000	41,269,496,448	25,909,496,448
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33.19%	33.19%	9,223,819,263	11,692,157,267	2,468,338,004
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	30.00%	30.00%	9,000,000,000	8,444,148,646	(555,851,354)
Công ty CP May Nam Định	49.86%	49.86%	3,889,170,657	11,518,692,060	7,629,521,403
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DV-TM NB	28.58%	28.58%	3,429,000,000	6,044,168,724	2,615,168,724
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29.99%	29.99%	3,000,000,000	6,273,040,193	3,273,040,193
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30.00%	30.00%	1,500,000,000	7,073,716,798	5,573,716,798
Công ty CP Truyền Thông & Du Lịch NBC	35.00%	35.00%	13,460,000,000	9,318,787,258	(4,141,212,742)
Công Ty CP Thương Mại Bán Lê Nhà Bè	30.00%	30.00%	4,500,000,000	2,319,012,263	(2,180,987,737)
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25.00%	25.00%	7,500,000,000	4,837,265,667	(2,662,734,333)
Tổng			70,861,989,920	108,790,485,324	37,928,495,404

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.12 Phải trả người bán

	30/09/2016 (VNĐ)		01/01/2016 (VNĐ)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	361,424,495,069	361,424,495,069	295,153,289,744	295,153,289,744
Motives (Far East) Ltd.	10,182,806,776	10,182,806,776	13,347,859,645	13,347,859,645
BTSC CO.,LTD	1,002,447,976	1,002,447,976		
Itochu Prominent Usa LLC	3,037,947,374	3,037,947,374		
Kufner Hong Kong LTD.	10,076,318,691	10,076,318,691		
Zhangjiang Pukun Worsted Textile Co., L	5,639,973,635	5,639,973,635		
Shanghai Weishi Machinery co.,ltd	22,923,933,077	22,923,933,077		
Grosso Moda Netherland B.V	5,447,276,861	5,447,276,861		
Công ty TNHH Coats Phong Phú			12,816,655,224	12,816,655,224
Tổng Công ty CP Phong Phú	1,487,977,463	1,487,977,463		
Công ty CP SX TM DV Hưng Phát			10,873,167,692	10,873,167,692
Công ty TNHH May XK Việt Thành	9,964,053,820	9,964,053,820	10,217,121,782	10,217,121,782
Công ty CP May Tây Sơn			10,054,160,258	10,054,160,258
Công ty TNHH Thuận Ích	189,842,400	189,842,400		
SHAISTA CREATIONS LIMITED	8,288,642,838	8,288,642,838		
ALLIANCE LEADER LIMITED	1,948,707,450	1,948,707,450		
ZHEJIANG WEIXING IMP.EXP.CO.,LTD	865,898,399	865,898,399		
NATAKA CORPRATE PRIVATE LIMIT	39,731,736,810	39,731,736,810		
Cty CP Đầu tư & Phát Triển DV TM Nhà	1,900,919,475	1,900,919,475		
Cty CP xây lắp Nhà Bè	4,437,530,138	4,437,530,138		
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	6,930,000	6,930,000		
Công ty CP Vận tải XNK Hoàng Đăng	1,382,635,672	1,382,635,672		
CTY CP MAY PHỦ CÁT	747,646,456	747,646,456		
FOCUS GARMENT TECH PTE LTD	2,778,714,750	2,778,714,750		
Cty CP thương mại Cẩm Lệ	4,266,363,779	4,266,363,779		
Phải trả các nhà cung cấp khác	225,116,191,229	225,116,191,229	237,844,325,143	237,844,325,143
b) Dài hạn	1,227,094,905	1,227,094,905	1,496,498,790	1,496,498,790
Công ty CP DV Dầu Khí Sài Gòn (SPSC)			72,000,000	72,000,000
Công ty TNHH MTV Đầu Tư TM và DV	159,664,450	159,664,450	109,970,850	109,970,850
Công ty TNHH MTV TM Thời Trang Dệt			607,833,224	607,833,224
Công Ty TNHH MTV XD SX TM DV T./	18,844,375	18,844,375	46,822,875	46,822,875
Công ty TNHH Vải Sợi & Thời Trang Kín			68,071,500	68,071,500
Công ty TNHH Xây Dựng TTNT Trường			34,984,783	34,984,783
Công ty Xây lắp I	234,364,068	234,364,068	234,364,068	234,364,068
Công ty TNHH SX - TMDV Nam Thành	24,097,482	24,097,482	24,097,482	24,097,482
Embisphene	37,962,000	37,962,000	37,962,000	37,962,000
The Sewing machine Company Ltd	53,947,720	53,947,720	53,947,720	53,947,720
Công Ty CP DLA Việt Nam	383,874,361	383,874,361		
Công ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam	272,272,727	272,272,727		
Phải trả các nhà cung cấp khác	42,067,722	42,067,722	206,444,288	206,444,288
Tổng	362,651,589,974	362,651,589,974	296,649,788,534	296,649,788,534

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	01/01/2016 VNĐ	Số phải nộp trong năm	Tăng từ Cty CP May Gia Phúc, Hậu Giang	Số đã nộp trong năm	30/09/2016 VNĐ
Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	8,744,102,309	42,912,980,613	28,397,473	43,941,443,693	7,744,036,702
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	36,240,600	828,844,851		865,085,451	
Thuế XNK	1,141,703,968	5,907,731,083		5,815,313,611	1,234,121,440
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,258,935,930	7,731,048,878		11,789,455,214	4,200,529,593
Thuế thu nhập cá nhân	3,117,769,084	6,216,530,929	11,743,336	5,772,304,430	3,573,738,919
Thuế tài nguyên		594,356,400		594,356,400	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3,786,656,000	6,789,989,204		10,009,253,537	567,391,667
Thuế môn bài		57,000,000		57,000,000	
Thuế nhà thầu					
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	51,283,684	2,538,211,877		2,515,717,638	73,777,923
Tổng	25,136,691,575	73,576,693,834		81,359,929,975	17,393,596,244
Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	79,894,911	5,334,446,461		9,095,002,749	3,840,451,199
Thuế XNK	15,026,155,297	4,295,489,395		1,984,296,266	12,714,962,168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,638,083,857	7,412,108,454		5,485,662,101	711,637,504
Thuế thu nhập cá nhân					
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	132,640,950	132,640,950			
Thuế bảo vệ môi trường và thuế khác	44,039,138			60,000	44,099,138
Tổng	17,920,814,153	17,174,685,260		16,565,021,116	17,311,150,009

5.14 Chi phí phải trả

	30/09/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
a) Ngắn hạn	43,697,957,290	38,344,750,198
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	11,199,243,200	11,379,206,059
Bản quyền phần mềm Microsoft	23,247,298	23,247,298
Nguyên phụ liệu	14,183,310,662	13,504,887,911
Hạng mục san nền san nền và đường trục chính cụm Công Nghiệp Tam Quan		1,141,235,091
Chi phí điện, nước, vận chuyển	4,280,844,723	6,482,437,753
Lãi vay	298,374,806	84,814,567
Chi phí bảo hành		282,553,324
Chi phí thiết kế	97,622,256	324,091,988
Chi phí gia công	8,815,126,384	1,572,107,287
Chi phí PCCC, an toàn lao động	145,082,672	
Chi phí làm đường hơi	119,580,000	
Chi phí XNK		
CLTG đánh giá lại	296,000,000	
Chi phí đồng phục	(41,161,059)	
Chi phí ăn ca	287,578,000	
Chi phí kiểm toán	61,000,000	
CP phải trả khác	3,932,108,348	3,550,168,920
b) Dài hạn		
Tổng	43,697,957,290	38,344,750,198

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Doanh thu chưa thực hiện

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
a)Ngắn hạn	2,857,187,244	2,215,839,794
Doanh thu nhận trước	2,857,187,244	2,215,839,794
b)Dài hạn	21,201,162,735	15,259,492,405
Doanh thu nhận trước	21,201,162,735	15,259,492,405
Tổng	24,058,349,979	17,475,332,199

5.16 Phải trả khác

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
a)Ngắn hạn	47,207,550,417	46,762,455,659
Kinh phí công đoàn	9,183,911,657	5,510,342,322
Bảo hiểm xã hội	13,102,634,317	7,207,524,777
Bảo hiểm y tế	3,663,291,841	1,316,328,107
Bảo hiểm thất nghiệp	979,979,370	578,762,458
Phải trả khác	20,277,733,232	32,149,497,995
- Tiền trái phiếu chuyển đổi phát hành	4,009,671,500	11,800,000,000
- Cổ tức phải trả		9,895,941,250
- Phải trả khác	16,268,061,732	10,453,556,745
b)Dài hạn	45,502,105,832	35,629,182,174
Xây dựng hạ tầng tại CCN Tam Quan	3,423,705,274	3,423,705,274
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	25,565,500,000	32,205,476,900
Phải trả dài hạn khác	16,512,900,558	
- Cty may thuê Mai Thùy Trang	287,239,281	11,800,000,000
- Cty TNHH CN may mặc Lucretia VN	2,227,863,855	9,895,941,250
- Phải trả khác	13,997,797,422	10,453,556,745
Tổng	92,709,656,249	82,391,637,833

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2016 (VNĐ)				01/01/2016 (VNĐ)	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	trả nợ
Vay ngắn hạn	1,169,302,131,006	1,169,302,131,006	2,252,887,824,685	2,488,913,434,866	1,374,648,842,655	1,374,648,842,655
Ngân hàng Far East National Bank (FENB)	15,014,319,121	15,014,319,121	46,938,610,347	67,715,824,001	602,442,122,850	602,442,122,850
Ngân hàng Hàng Hải CN TP.HCM	21,485,922,295	21,485,922,295	31,611,079,622	10,125,157,327	175,694,627,925	175,694,627,925
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định USD	6,870,906,038	6,870,906,038	20,853,996,340	18,384,579,262	68,137,221,150	68,137,221,150
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định VNĐ	22,801,619,304	22,801,619,304	70,340,990,172	75,213,058,373	154,773,968,625	154,773,968,625
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	112,879,802,189	112,879,802,189	279,672,111,645	361,768,637,652	35,791,532,775	35,791,532,775
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN HCM	45,715,440,539	45,715,440,539	131,922,047,447	218,358,218,741	50,308,502,850	50,308,502,850
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bình Định USD	2,986,485,223	2,986,485,223	15,638,242,920	14,933,302,479		
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bình Định VNĐ	2,973,204,714	2,973,204,714	2,973,204,714	4,005,000,000	21,913,997,850	21,913,997,850
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Sài Gòn (USD)				3,854,639,384	125,787,685,275	125,787,685,275
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Sài Gòn (VNĐ)	10,419,934,741	10,419,934,741	12,709,143,517	12,309,176,293	58,275,548,676	58,275,548,676
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Chợ Lớn				44,400,941,775		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	603,857,928,259	603,857,928,259	1,006,966,636,394	1,020,894,905,934	25,297,107,920	25,297,107,920
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Thuận	16,048,799,990	16,048,799,990	75,529,685,382	78,674,906,592		
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	35,722,009,413	35,722,009,413	46,283,538,151	18,819,058,293	3,242,880,000	3,242,880,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn	31,274,786,439	31,274,786,439	113,314,079,606	132,347,796,017	32,075,645,865	32,075,645,865
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	157,321,421,889	157,321,421,889	210,625,441,883	208,077,988,619	8,257,529,554	8,257,529,554
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Lagi			7,030,000,000	7,030,000,000		
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	46,144,628,035	46,144,628,035	93,326,522,520	69,095,892,335		

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/09/2016 (VNĐ)				01/01/2016 (VNĐ)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	3,287,071,349	3,287,071,349	31,588,409,021	96,438,558,822	6,363,926,558	6,363,926,558
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	32,647,851,468	32,647,851,468	52,985,255,199	20,337,403,731		
Vay CB-CNV	1,850,000,000	1,850,000,000	2,578,829,805	6,128,389,236	6,286,544,782	6,286,544,782
Nợ dài hạn đến hạn trả	16,772,512,534	16,772,512,534	3,663,206,620	32,063,292,334	28,948,729,168	28,948,729,168
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định USD	6,203,807,237	6,203,807,237	3,663,206,620	7,624,747,223	9,990,000,000	9,990,000,000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định VNĐ	3,287,445,480	3,287,445,480			4,211,344,000	4,211,344,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	3,858,900,080	3,858,900,080		10,102,186,640	8,172,494,208	8,172,494,208
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VNĐ	1,178,903,106	1,178,903,106		5,164,440,894	3,287,445,480	3,287,445,480
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	1,404,836,631	1,404,836,631		6,767,657,577	3,287,445,480	3,287,445,480
TORAY INTERNATIONAL, INC	838,620,000	838,620,000		2,404,260,000		
Vay dài hạn	250,996,836,534	250,996,836,534	107,229,403,500	9,874,763,692	84,511,473,661	84,511,473,661
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định USD	3,868,517,300	3,868,517,300		3,663,206,620	27,877,500,000	27,877,500,000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định VNĐ	7,607,592,960	7,607,592,960	2,672,442,200	1,660,152,050	15,977,016,000	15,977,016,000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	115,135,067,758	115,135,067,758	35,839,466,253		759,523,934	759,523,934
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Thuận USD					939,106,393	939,106,393
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	31,343,743,203	31,343,743,203	21,873,536,876		5,376,062,475	5,376,062,475
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VNĐ	81,404,329,189	81,404,329,189	46,843,958,171	817,128,982	5,274,556,809	5,274,556,809
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	10,736,786,124	10,736,786,124		3,734,276,040	15,488,809,766	15,488,809,766
TORAY INTERNATIONAL, INC	900,800,000	900,800,000				
					12,818,898,284	12,818,898,284
Tổng	1,437,071,480,074	1,437,071,480,074	2,363,780,434,805	2,530,851,490,892	1,488,109,045,484	1,488,109,045,484

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Tại ngày 01/01/2015	182,000,000,000	41,279,299,787	84,108,453,137	73,722,979,087	381,110,732,011
Tăng trong năm		6,754,176,782	97,512,489,717	47,187,143,478	151,453,809,977
Phân phối lợi nhuận		2,297,823,580			2,297,823,580
Hoàn nhập quỹ về lợi nhuận			988,803,229		988,803,229
Lợi nhuận sau thuế			89,029,039,442	26,135,109,907	115,164,149,349
Tăng từ công ty CP May Bình Thuận		4,456,353,202	7,494,647,046	21,052,033,571	33,003,033,819
Giảm trong năm		1,127,521,183	81,489,481,332	14,871,249,385	97,488,251,900
Quỹ đầu tư phát triển			2,297,823,578		2,297,823,578
Quỹ khen thưởng phúc lợi			15,495,864,709	3,916,462,199	19,412,326,908
Chia cổ tức			63,232,689,371	10,624,564,905	73,857,254,276
Mua sắm tài sản cố định		138,717,954		97,293,266	236,011,220
Hoàn nhập quỹ về lợi nhuận		988,803,229			988,803,229
Giảm khác			463,103,674	232,929,015	696,032,689
Tại ngày 31/12/2015	182,000,000,000	46,905,955,386	100,131,461,522	106,038,873,180	435,076,290,088
Tại ngày 01/01/2016	182,000,000,000	46,905,955,386	100,131,461,522	106,038,873,180	435,076,290,088
Tăng trong năm		463,913,569	33,383,953,112	(3,542,010,929)	30,305,855,752
Lợi nhuận sau thuế			33,383,953,112	(3,542,010,929)	29,841,942,183
Giảm trong năm			47,036,988,696	12,670,973,294	59,707,961,991
Trích lập các quỹ			9,929,890,586	1,183,456,856	11,113,347,443
Chia cổ tức			37,107,098,110	11,487,516,438	48,594,614,548
Mua sắm tài sản cố định					
Giảm khác					
Tại ngày 30/09/2016	182,000,000,000	47,369,868,955	86,478,425,938	89,825,888,957	405,674,183,850

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/09/2016 VNĐ	Tỷ lệ %	01/01/2016 VNĐ	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50,400,000,000	27.69%	50,400,000,000	27.69%
Công ty cổ phần 4M	14,165,710,000	7.78%	14,165,710,000	7.78%
Công ty CP thương mại vận tải Biển Bơm	491,220,000	0.27%	491,220,000	0.27%
Các cổ đông khác	116,943,070,000	64.26%	116,943,070,000	64.26%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VNĐ	Năm 2015 VNĐ
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182,000,000,000	182,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp tại ngày 30 tháng 09	182,000,000,000	182,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia		

d. Cổ phiếu

	30/09/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
	18,200,000	18,200,000
Cổ phiếu phổ thông	18,200,000	18,200,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/Cổ phiếu		

5.19 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,122,318,803,200	3,176,092,339,137
Doanh thu bán thành phẩm	3,089,988,476,650	3,160,355,494,686
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32,330,326,550	15,736,844,451
Các khoản giảm trừ doanh thu	11,234,023,479	11,336,331,943
Giảm giá hàng bán	1,218,351,341	
Hàng bán bị trả lại	10,015,672,138	11,336,331,943
Chiết khấu thương mại		
Doanh thu thuần về bán hàng	3,111,084,779,721	3,164,756,007,194

5.20 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ
Giá vốn cung cấp dịch vụ	832,645,760	11,251,393,535
Giá vốn bán thành phẩm	2,524,751,298,134	2,568,868,500,406
Tổng	2,525,583,943,894	2,580,119,893,941

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,401,760,441	4,703,054,793
Cổ tức, lợi nhuận được chia	980,786,514	2,548,968,453
Lãi chênh lệch tỷ giá	20,137,516,440	25,013,477,409
Doanh thu hoạt động tài chính khác	194,000	3,682,099
Tổng	24,520,257,395	32,269,182,754

5.22 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ
Lãi tiền vay	27,164,494,097	28,726,161,367
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15,346,717,545	42,032,545,066
Tổng	42,511,211,642	70,758,706,433

5.23 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ
Chi phí nhân viên	43,852,371,052	40,623,703,046
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4,817,761,883	4,463,050,079
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4,406,413,268	4,081,987,354
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,884,202,334	1,745,476,339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136,549,228,208	126,495,675,485
Chi phí bằng tiền khác	20,847,555,050	19,312,636,130
Tổng	212,430,512,586	196,790,135,951

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	207,807,040,303	166,238,097,245
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	18,941,056,674	15,152,158,544
Chi phí khấu hao TSCĐ	20,270,875,079	16,215,965,050
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1,578,057,851	1,262,389,061
Chi phí dự phòng	1,797,689,842	1,438,086,690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40,895,744,387	32,715,112,647
Chi phí bằng tiền khác	38,790,303,623	31,030,836,377
Tổng	330,080,767,759	264,052,645,614

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.25 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ
Thu nhập khác		
Phạt bồi thường theo hợp đồng	67,218,000	
Dịch vụ giao nhận, XNK	4,319,086,000	
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ	4,487,025,015	859,457,928
Thu chuyển nhượng dự án, quyền sử dụng đất	431,904,761	251,684,000
Thu tiền bồi thường hàng bảo hiểm cháy/nổ	1,099,290,304	
Thu nhập khác	4,753,721,429	4,801,429,881
Tổng	15,158,245,509	5,912,571,809
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	111,832,529	
Chi phí vận giao nhận, XNK	3,090,368,871	2,198,464,406
Chi phí nộp phạt về thuế và bảo hiểm	318,984,488	245,266,675
Giá vốn hàng bảo hiểm cháy/nổ	1,099,290,304	
Chi phí khác	1,719,669,194	3,358,666,027
Tổng	6,340,145,386	5,802,397,108
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	8,818,100,123	110,174,701

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	33,383,953,113	55,148,150,056
Trừ Quỹ Khen Thưởng Phúc Lợi	8,812,189,675	8,626,093,776
Lợi nhuận/Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24,571,763,438	46,522,056,280
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (CP)	18,200,000	18,200,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/CP)	1,350	2,556

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.27 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,514,172,384,922	1,500,781,876,147
Chi phí nhân công	755,406,781,764	748,726,379,162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58,869,606,696	58,348,996,234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	708,069,961,154	701,808,179,390
Chi phí khác bằng tiền	31,576,489,704	31,297,244,574
Tổng	3,068,095,224,240	3,040,962,675,507

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với bên liên quan**

Giao dịch bán hàng

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Từ 01.01.2016 đến 30.09.2016	Từ 01.01.2015 đến 30.09.2015
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	5,090,920	3,818,190
		Điện, ăn, nước, thuê máy	23,453,000	8,556,000
		Thiết bị các loại		145,090,876
		Chi Phí XNK		5,129,550
		Khác		5,810,788
Cty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	40,049,776	-
		Tiền thuê nhà	169,131,646	-
		Khác	10,914,000	-
		Quần áo	33,027,273	49,393,253
		Quần áo	2,020,289,093	3,876,863,504
Cty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Nguyên Phụ Liệu	630,228	49,737,471
		Điện, ăn, nước, thuê máy		121,366,903
		Tiền thuê nhà		97,369,633
		Khác		16,493,089
		Quần áo	1,191,856,762	6,719,832,820
Cty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	583,855,580	593,410,036
		Khác	151,202,415	131,916,903
		Nguyên Phụ Liệu	46,923,555	549,294,247
		Tiền thuê nhà		85,368,053
		Điện, ăn, nước, thuê máy	70,643,123	126,693,449
Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Tiền thuê nhà	203,594,830	85,211,070
		Khác	22,272,691	790,000
		Quần áo	3,636,364	12,200,000
		Quần áo	3,007,790,071	-
		Nguyên Phụ Liệu	18,041,770	-
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Tiền thuê nhà	247,664,574	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	52,782,363	-
		Khác	8,296,000	-
		Quần áo	502,243,454	291,777,048
		Nguyên Phụ Liệu	87,299,473	-
Công Ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	21,358,000	21,358,000
		Khác	232,066,065	6,304,880
		Quần áo	256,344,546	2,464,405,557
		Nguyên Phụ Liệu	4,607,820	1,750,000
		Điện, ăn, nước, thuê máy		1,044,000
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Khác		11,836,087
		Quần áo	79,429,773	51,937,591
		Điện, ăn, nước, thuê máy	199,178,966	325,451,281
		Khác	120,277,817	1,500,000
		Tiền thuê nhà	314,214,634	131,931,302
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Chi Phí XNK		10,440,000
		Chi Phí XNK	11,236,364	82,257,589
		Khác	31,416,000	18,376,930
		Nguyên Phụ Liệu	37,009,118	1,130,600
		Điện, ăn, nước, thuê máy	87,757,000	156,996,961
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Tiền thuê nhà		141,565,542
		Quần áo		1,054,545
		Điện, ăn, nước, thuê máy	2,400,000	5,828,000
		Chi Phí XNK	1,515,910	21,500,000
		Khác	167,069,540	58,148,659
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Quần áo		2,975,000
		Chi Phí XNK	50,653,392	140,621,409
		Thiết bị các loại		136,363,636
		Quần áo		1,292,956,568
		Nguyên Phụ Liệu		18,689,036
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Khác		45,714,213
		Chi Phí XNK	20,151,360	17,806,095
		Khác	28,184,984	152,674,037
		Điện, ăn, nước, thuê máy	13,653,000	15,431,000
		Quần áo	3,818,190	-
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Nguyên Phụ Liệu		36,526,470
		Nguyên Phụ Liệu	201,831,000	149,497,600
		Khác	7,034,455	25,248,588
		Chi Phí XNK	9,362,600	172,669,851
		Điện, ăn, nước, thuê máy	5,496,000	177,879,332
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Tiền thuê nhà		653,883,518
		Quần áo		(98,105,590)
		Quần áo	57,236,428	-
		Nguyên Phụ Liệu	2,801,850	-
		Chi Phí XNK	4,000,000	-
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	3,060,000	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch mua hàng trong kỳ (Tiếp theo)

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Từ 01.01.2016 đến 30.09.2016	Từ 01.01.2015 đến 30.09.2015
Cty CP May Phú Thỉnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	5,697,829,187	10,090,548,654
Cty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	10,929,313,000	150,855,000
		Dịch vụ bảo trì	192,100,000	158,000,000
		Công cụ, dụng cụ	173,330,000	10,850,307,850
		khác	18,471,000	1,300,000
		Vấn Phòng Phẩm	8,960,000	8,550,000
		Sửa chữa	17,890,000	18,700,000
Cty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	2,898,676,359	1,544,640,520
		Công cụ, dụng cụ	258,368,460	408,969,700
		khác	966,600,357	60,255,100
		Vấn Phòng Phẩm	174,000	552,600
		Sửa chữa	13,083,787,756	3,365,997,457
Cty CP Thương Mai Nhà Bè	Công ty con	Gia công	3,081,661,653	213,961,650
		Thiết bị các loại	14,347,445	
		Công cụ, dụng cụ	32,595,000	
		khác	1,457,178,213	
		Sửa chữa	137,117,935	
Cty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Gia công	2,851,088,846	618,246,545
		khác	551,844,508	378,886,483
		Phí vận chuyển		3,536,500
Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Công cụ, dụng cụ	470,621,250	1,399,087,187
		Dịch vụ bảo trì	713,965,000	534,360,000
		khác	4,131,404,220	4,302,730,673
		Phí vận chuyển	1,196,583,612	418,097,667
		Quảng cáo	1,488,370,200	2,804,880,455
		Sửa chữa	3,972,298,584	194,412,388
		Thiết bị các loại	1,503,733,628	550,173,568
		Vấn Phòng Phẩm	190,134,714	130,356,081
		Gia công		6,100,000
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Gia công	3,984,473,336	
		Thiết bị các loại	410,259,700	
		khác	950,763	
Công Ty CP Thương Mai Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	khác	665,514,456	370,529,418
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	6,008,269,708	11,214,396,049
		khác		60,000
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	21,647,262,614	12,719,600,330
		Hoa Hồng	59,647,364	81,424,364
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DV TM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	18,640,000	1,818,181,818
		Phí vận chuyển	43,750,095,457	38,878,698,023
		khác	336,548,878	8,550,447,437
		Sửa chữa	54,713,740	71,480,134
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Gia công	39,439,936,255	48,024,083,641
		Phí vận chuyển	16,556,425	16,154,000
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Gia công	14,770,885,833	25,032,106,026
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Gia công	65,377,899,490	94,740,032,932
		khác	26,158,550	
		Phí vận chuyển		84,153,281
Cty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	735,504,000	
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Gia công	34,459,568,732	33,736,016,576
		Phí vận chuyển	23,644,000	
		khác	4,208,832	
		Công cụ, dụng cụ		38,000,000
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Gia công	51,799,757,301	57,763,299,207
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Gia công	31,943,208,726	
		khác	54,940,200	

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với bên liên quan**

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/09/2016 VND
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	4,929,929,598
Công ty CP Thương mại DM Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	3,416,184,009
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Phải thu khách hàng	4,437,960,281
Công ty cổ phần May Phú Thịnh	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	1,723,232,602
Công ty CP Thương mại Nhà Bè	Công ty con	Phải trả khách hàng	1,685,987,331
Công ty CP Thương mại DM Nhà Bè	Công ty con	Phải trả khách hàng	130,696,502
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải trả khách hàng	11,297,177,488
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải trả khách hàng	4,427,158,643
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả khách hàng	3,928,007,449
Công ty CP May An Nhơn	Công ty con	Phải trả khách hàng	552,861,156
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải trả khách hàng	7,308,684,841
Công ty cổ phần May Bình Thuận	Công ty con	Phải trả khách hàng	4,338,235,802
Công ty cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả khách hàng	1,051,571,456

Người lập



Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

Thông tin so sánh**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu số B 03-DN

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND	Chênh lệch VND
	Báo cáo 9T-2015	Báo cáo 9T-2016	
Tiền chi trả nợ gốc vay	2,300,041,365,867	2,335,148,463,977	(35,107,098,110)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35,107,098,110)	35,107,098,110

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND	Chênh lệch VND
	(Theo Quyết định 15)	(Theo Quyết định 200)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,030	2,556	474

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Người lập



Phùng Thị Quế Thanh

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng